

PHỤ LỤC 4

(cho xe áp dụng TCVN 6567)

(Annex 4 – for vehicles applying TCVN 6567)

Báo cáo thử nghiệm khí thải động cơ

(Test Report of emission from engine)

1. Nhãn hiệu động cơ (Trade name/Mark or Make of engine):.....
2. Kiểu (số loại) động cơ (Engine Type/Model code/Engine model):
3. Kiểu đốt cháy hỗn hợp (combustion type): Cháy do nén/Cháy cưỡng bức⁽¹⁾
(compression – ignition/positive-ignition)
4. Nhiên liệu thử nghiệm bao gồm bản thông số về đặc tính nhiên liệu (Testing fuel including specifications for fuel):
5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất (Name and address of manufacture):.....
6. Động cơ được nộp để thử (Engine submitted for tests on): Mô tả động cơ bao gồm ảnh chụp kèm theo (Description of engine including photographs)
7. Thiết bị kiểm soát ô nhiễm bổ sung (nếu có) (Additional control pollution devices (if any))
 - 7.1. Loại thiết bị (Device Kind):
 - 7.1.1. Tuần hoàn khí thải (Exhaust gas recirculation-EGR): ⁽¹⁾
 - 7.1.2. Bộ chuyển đổi xúc tác (Catalytic converter):⁽¹⁾
 - 7.1.3. Phun không khí (Air injection):⁽¹⁾
 - 7.1.4. Bẫy hạt (Particulate trap):⁽¹⁾
 - 7.1.5. Loại khác (other):⁽¹⁾
 - 7.2. Mô tả vị trí lắp đặt thiết bị (Description of installation position):
8. Kiểm tra khí thải (test results)
 - 8.1. Quy chuẩn áp dụng (Applied Regulation): QCVN:2009/BGTVT⁽²⁾
 - 8.2. Kết quả kiểm tra (Test results)

Theo quy trình 13 chế (13 mode test ECE 49-02)

	Giá trị giới hạn – EURO 2 (limits) (g/kwh)	Kết quả kiểm tra (test results) (g/kwh)	Đánh giá (Evaluation)

CO			Đạt/không đạt (Pass / Failure)
HC			Đạt/không đạt (Pass / Failure)
NO _x			Đạt/không đạt (Pass / Failure)
PM			Đạt/không đạt (Pass / Failure)
PM được xác định bằng hệ thống lưu lượng toàn phần / từng phần (<i>determined by a full/partial flow system</i>) ⁽¹⁾			

9. Chú ý (remark):

.....

.....

Ngày ... tháng ... năm (Date)
Cơ sở thử nghiệm (Technical Service)
(ký tên, đóng dấu (Signature, stamp))

Chú thích (Note):

⁽¹⁾ Gạch / xóa mục hoặc nội dung không áp dụng (*Strike out what does not apply*)

⁽²⁾ Nếu kiểm tra theo mức EURO 3 trở lên phải nêu số hiệu tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn tương ứng tại mục 12.1 của Phụ lục này, và trong bảng kết quả kiểm tra tại cột 2 phải thay Euro 2 bằng Euro 3 trở lên (*If testing according to Euro 3 and over, then indicate the number of corresponding standard or regulation at 12.1, this Annex, and replace Euro 2 by Euro 3 and over in column 2, the test result table*)

Nguồn: Thông tư 31/2009/TT-BGTVT